

\*

**BẢNG ĐIỂM**

Lớp Bồi dưỡng đối với công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương khoá 26

Thời gian học: từ ngày 04/10/2025 đến ngày 01/12/2025

STT	Họ và tên	Điểm				Xếp loại	Ghi chú
		Phần 1	Phần 2	T.luận	Điểm TB		
1	Đàm Anh	6,20	8,00	7,50	7,30	Khá	
2	Nông Thị Bích	5,00	6,20	7,50	6,55	Trung bình	
3	Nông Văn Bình	5,00	6,20	7,25	6,43	Trung bình	
4	Lục Văn Cừ	6,00	7,00	7,75	7,13	Khá	
5	Hoàng Thị Cúc	6,80	6,80	7,75	7,28	Khá	
6	Lý Văn Duân	6,40	5,00	7,50	6,60	Trung bình	
7	Nguyễn Thị Dung	5,40	6,00	8,00	6,85	Trung bình	
8	Tô Văn Đạt	6,00	6,40	7,50	6,85	Trung bình	
9	Mông Văn Độ	5,00	5,40	7,25	6,23	Trung bình	
10	Dương Quang Đồng	7,60	6,60	8,00	7,55	Khá	
11	Hoàng Minh Đức	6,40	6,80	8,25	7,43	Khá	
12	La Thị Hương Giang	8,00	8,00	8,00	8,00	Khá	
13	Nông Thị Hậu	6,20	7,40	8,25	7,53	Khá	
14	Hoàng Thị Hiếu	6,20	5,60	8,00	6,95	Trung bình	
15	Hoàng Thị Hoa	6,60	7,40	8,00	7,50	Khá	
16	Hoàng Thị Hòa	7,20	7,40	8,00	7,65	Khá	
17	Hoàng Thu Hồng	7,20	7,00	8,25	7,68	Khá	
18	Nguyễn Thị Hồng	5,40	5,60	8,25	6,88	Trung bình	
19	Đoàn Thị Hương	8,60	6,60	8,25	7,93	Khá	
20	Trương Ngọc Hữu	7,60	7,40	7,75	7,63	Khá	
21	Hoàng Quốc Huy	7,40	7,60	8,00	7,75	Khá	
22	Nguyễn Đức Huy	9,00	7,60	8,25	8,28	Khá	
23	Vi Thu Huyền	8,80	7,80	8,00	8,15	Khá	
24	Hoàng Thị Huyền	8,40	7,80	8,00	8,05	Khá	
25	Ngô Văn Khánh	6,40	6,40	8,00	7,20	Khá	
26	Ma Thị Lan	5,60	5,20	8,00	6,70	Trung bình	
27	Bé Thị Ngọc Lâm	7,40	8,00	8,25	7,98	Khá	
28	Hứa Thị Liễu	5,80	6,60	8,00	7,10	Khá	
29	Hoàng Thị Loan	5,60	6,00	7,75	6,78	Trung bình	
30	Triệu Văn Long	6,00	5,20	7,75	6,68	Trung bình	

STT	Họ và tên	Điểm				Xếp loại	Ghi chú
		Phần 1	Phần 2	T.luận	Điểm TB		
31	Hoàng Thị Luyến	6,40	6,40	8,00	7,20	Khá	
32	Nông Thị Mai	6,20	5,00	8,00	6,80	Trung bình	
33	Nguyễn Thị Mỹ	6,60	5,40	8,00	7,00	Khá	
34	Hoàng Văn Nguyễn	7,40	8,00	8,00	7,85	Khá	
35	Hoàng Thị Oanh	6,80	5,80	8,00	7,15	Khá	
36	Phương Đức Phi	7,40	7,40	7,50	7,45	Khá	
37	Lê Thị Phương	5,80	6,20	7,00	6,50	Trung bình	
38	Mã Thị Phượng	5,40	6,60	7,50	6,75	Trung bình	
39	Đàm Thị Thắm	6,80	7,40	8,00	7,55	Khá	
40	Đỗ Việt Thế	5,60	5,40	8,00	6,75	Trung bình	
41	Nông Thị Thu	5,60	6,00	7,50	6,65	Trung bình	
42	Triệu Văn Thùy	6,20	7,00	7,50	7,05	Khá	
43	Đàm Thu Thùy	6,80	7,00	7,75	7,33	Khá	
44	Đàm Văn Trà	8,00	7,80	8,25	8,08	Khá	
45	Vũ Thị Quỳnh Trang	8,00	7,60	8,50	8,15	Khá	
46	Nông Kiều Trang	7,00	7,00	8,00	7,50	Khá	
47	Đặng Thị Thanh Tú	7,60	7,60	8,25	7,93	Khá	
48	Sái Thị Tuyết	5,60	6,40	7,75	6,88	Trung bình	
49	Đinh Hải Yên	6,80	5,40	8,00	7,05	Khá	
50	Nông Thị Yên	6,60	8,20	8,00	7,70	Khá	

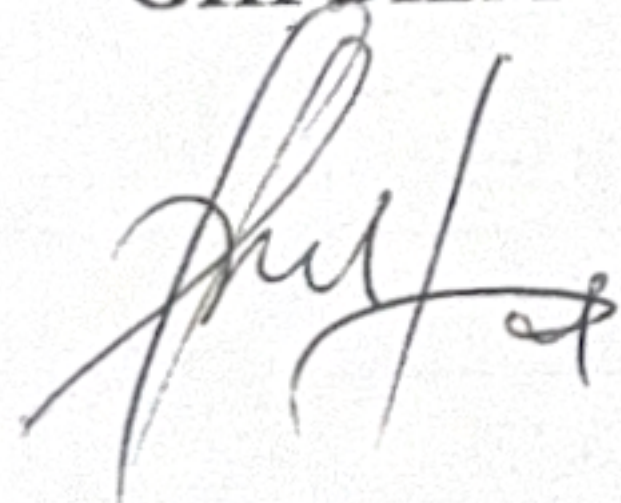
Danh sách ấn định: 50 học viên; 50 học viên được xếp loại./.

**Tổng hợp xếp loại:**

**Khá:** Điểm trung bình khóa học từ 7,00 đến dưới 9,00 điểm: 33 học viên, chiếm 66%

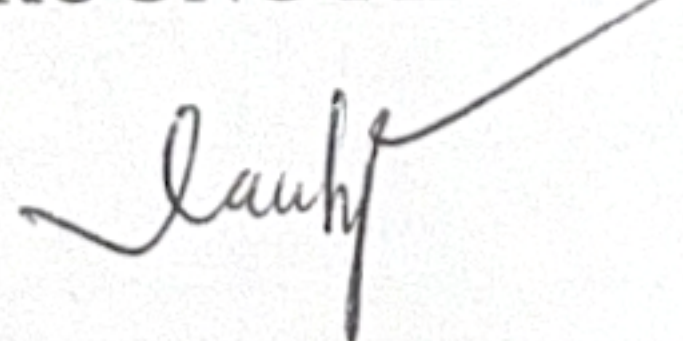
**Trung bình:** Điểm trung bình khóa học từ 5,00 đến dưới 7,00 điểm: 17 học viên, chiếm 34%./.

**GHI ĐIỂM**



**Nguyễn Thu Hằng**

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**



**Đoàn Thị Vân Thúy**

**HIỆU TRƯỞNG**



**Trịnh Thị Ánh Hoa**